

Số: 234/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 04 tháng 5 năm 2016

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 04 và chương trình công tác tháng 5 năm 2016

Trong tháng 4, độ mặn tại các sông lớn có chiều hướng giảm, tranh thủ tiếp ngọt tại một số công đầu mỗi nhằm giảm độ mặn và ô nhiễm trong nội đồng, tạo điều cho nông dân cải tạo đất chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu theo lịch thời vụ. Tuy nhiên, tình hình mặn vẫn còn, nắng nóng gay gắt, nhiệt độ tăng cao đã gây thiệt hại cho sản xuất lúa, hoa màu, cây ăn trái và một số đối tượng thủy sản; bệnh Lở mồm long móng trên đàn gia súc diễn biến phức tạp. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp; thủy sản và phát triển nông thôn:

###### a) Trồng trọt:

- Cây lúa:

+ Vụ Đông Xuân: Thu hoạch 26.358 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 47.218 ha, đạt 70% diện tích xuống giống, năng suất trung bình theo tiến độ 5,58 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 1,03 tấn/ha). Do lúa đang trong giai đoạn trổ - chín nên sâu bệnh gây hại ở mức độ nhẹ, chủ yếu là bệnh đạo ôn, cháy bìa lá với diện tích 237 ha. Cánh đồng lớn đến nay thu hoạch 2.008 ha trên diện tích 3.308 ha, năng suất trung bình 6,1 tấn/ha (cao hơn ngoài mô hình 0,52 tấn/ha). Tuy nhiên, có 40.172 lượt hộ bị thiệt hại với diện tích 28.807,61 ha trên địa bàn các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải, Tiểu Cần, Cầu Kè và thành phố Trà Vinh. Trong đó, mức độ thiệt hại trên 70% là 18.976,19 ha; từ 30-70% là 9.066,32 ha, dưới 30% là 765,11 ha.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 758 ha, nâng tổng diện tích xuống giống vụ này đến nay 1.570 ha, đạt 2% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 11.925 ha).

- Cây màu: Gieo trồng 4.041 ha, nâng tổng diện tích cây màu đến nay 26.774 ha, đạt 46,7% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 2.492 ha), trong đó: màu lương thực 3.421 ha đạt 35,6% kế hoạch, màu thực phẩm 12.856 ha đạt 40,4% kế hoạch, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 10.497 ha đạt 65% kế hoạch. Đến nay, có 698 ha màu và cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại do hạn, mặn trên địa bàn một số xã của huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh bị thiệt hại (505 ha mía của huyện Trà Cú), trong đó, mức độ thiệt hại trên 70% là 237,42 ha, từ 30% đến 70% là 390,16 ha, dưới 30% là 71 ha.

### **b) Chăn nuôi, thú y:**

- Chăn nuôi đối mặt với nhiều khó khăn như: Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) tái phát; nắng nóng, nhiệt độ tăng cao là điều kiện thuận lợi cho các loại bệnh như viêm phổi, E.coli,... phát sinh, người chăn nuôi không mạnh dạn tái đàn và có xu hướng giảm đàn gia cầm.

- Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, bệnh LMLM gia súc phát sinh tại 35 hộ chăn nuôi (ấp Trà Nóc, Phú Khánh, xã Song Lộc và ấp Bình La, xã Lương Hòa) huyện Châu Thành, với 112 con gia súc mắc bệnh (110 con bò, 02 con heo). Cơ quan chuyên môn tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định. Bệnh LMLM gia súc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh đã qua 21 ngày không phát sinh thêm ca bệnh mới.

- Công tác tiêm phòng: Tập trung chỉ đạo tiêm phòng vaccine cúm gia cầm, LMLM gia súc miễn phí tại các xã vùng dịch, tiêm phòng thu tiền và vận động hộ chăn nuôi tự tiêm ở các địa phương còn lại trên địa bàn tỉnh được 222.250 con gia cầm và tiêm phòng LMLM gia súc 21.515 con; các loại bệnh thường xuyên 100.175 con gia súc; đại chó, mèo 81 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm được 01 triệu con gia cầm (tiêm miễn phí dập dịch cúm gia cầm được 140.603 con); tiêm LMLM gia súc 22.680 con (tiêm miễn phí dập dịch LMLM gia súc 22.240 con); tiêm phòng thường xuyên 37.077 con gia súc (Dịch tả 81.899 con, Tụ huyết trùng 78.049, Phó thương hàn 77.129 con); sử dụng 535 lít hóa chất phun xịt dập dịch Cúm gia cầm, LMLM gia súc với diện tích 995.566 m<sup>2</sup> chuồng trại của 19.494 lượt hộ chăn nuôi.

### **c) Lâm nghiệp:**

- Công tác lâm sinh: Chăm sóc cây bản giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để thực hiện trồng rừng, trên địa bàn các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020. Xây dựng đề cương mô hình trồng rừng trên diện tích rừng phi lao bị thiệt hại tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Vận động người dân tiếp tục chăm sóc cây trồng lâm nghiệp phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố.

- Công tác kiểm lâm: Tổ chức được 95 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm; thực hiện vệ sinh phòng cháy rừng 98,7 ha. Nâng tổng số đến nay tổ chức 318 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 07 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định; thực hiện vệ sinh phòng cháy rừng 241,7 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Công tác quản lý lâm sản, động vật hoang dã: Cấp 19 giấy phép vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã, 02 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay cấp 19 giấy phép vận chuyển lâm sản, động vật hoang dã, 04 giấy phép gây nuôi động vật hoang dã.

**d) Thủy sản:** Sản lượng thủy sản 10.295 tấn. Nâng tổng sản lượng thủy sản đến nay 37.689 tấn (đạt 20,8% kế hoạch), giảm hơn 3.027 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 3.917 ha, thu hoạch 4.931 tấn. Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 29.035 ha, đạt 68% kế hoạch, thu hoạch 16.775 tấn, đạt 16,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 31 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 3.396 ha, thu hoạch 1.524 tấn. Nâng đến nay thả nuôi được 28.226 ha, tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 988 triệu con giống (14.490 ha), tôm thẻ chân trắng thả được 931 triệu con giống (1.807 ha), cua biển được 122 triệu con (11.927 ha). Thu hoạch 3.511 tấn, thấp hơn cùng kỳ 857 tấn, gồm tôm sú 792 tấn, tôm chân trắng 2.005 tấn, cua biển 639 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác.

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 521 ha, thu hoạch 3.407 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 810 ha (cá lóc 112 ha, tôm càng xanh 483 ha, còn lại chủ yếu là diện tích cá các loại); thu hoạch 13.264 tấn (cao hơn cùng kỳ 888 tấn), gồm: Cá lóc 7.617 tấn, cá tra 1.454 tấn, tôm càng xanh 204 tấn, còn lại là các loại khác.

+ Thiên tai, bệnh thủy sản: Do thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 44 triệu con tôm sú giống, diện tích 833 ha; 68 triệu con tôm thẻ chân trắng diện tích 246 ha; mặn tăng cao đột ngột người nuôi không chủ động được nguồn nước đã gây thiệt hại 0,32 ha cá lóc, con giống 0,28 triệu con. Nâng đến nay thiệt hại 93 triệu con tôm sú giống (chiếm 9,4%), diện tích 1.396 ha; 197 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 21,2%), diện tích 485 ha; 60,2 ha cá lóc, con giống 12,9 triệu con.

+ Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 700 triệu con tôm giống, cấp 100 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 92 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 22 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 42 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 38 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

- Khai thác: Sản lượng khai thác 5.364 tấn. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay ước đạt 20.915 tấn (3.774 tấn tôm), đạt 26,2% kế hoạch, giảm 3.057 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 3.184 tấn (1.234 tấn tôm), khai thác hải sản 17.731 tấn (2.540 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.284 tấn thủy sản (tôm sú 99 tấn, tôm thẻ 405 tấn), chế biến 758 tấn, tiêu thụ 509 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 2,6 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 2.764 tấn thủy sản (tôm sú 247 tấn, tôm thẻ 1.077 tấn), chế biến 1.570 tấn, tiêu thụ 1.313 tấn, kim ngạch xuất khẩu 7,6 triệu USD.

*e) Diêm nghiệp:* Có 163 hộ sản xuất, diện tích 134,6 ha (giảm 52 hộ và 28,6 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 2.163 tấn, tiêu thụ 793 tấn với giá bán trung bình 14.000 đồng/giạ, tồn 1.370 tấn. Do giá muối thấp, diêm dân sản xuất không có lãi nên chuyển sang nuôi thủy sản, mặt khác do ảnh hưởng khói bụi của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải làm muối bị đen, giảm chất lượng.

#### *f) Phát triển nông thôn:*

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 43 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 1.012 lượt người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 267 cuộc lồng ghép

tuyên truyền với 8.679 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền tập trung chủ yếu là vận động thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới, vận động người dân tham gia các loại hình kinh tế hợp tác, bảo hiểm y tế, bảo vệ cảnh quang môi trường, hàng rào, trồng cây xanh, làm cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 22 xã đạt 19 tiêu chí (20 xã đã có quyết định công nhận); 06 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 57 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt thêm 0,45 tiêu chí so với cuối năm 2015, nâng lên mức đạt 13,71 tiêu chí/xã.

+ Đến nay, Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 110.116 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 50,41% tổng số hộ phát động; 116 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 17% tổng số ấp.

- Chương trình bố trí dân cư: Báo cáo, giải trình nội dung điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư Dự án di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa. Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh tên dự án và quy mô thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với đơn vị thiết kế, giám sát thi công kiểm tra mặt bằng thi công bổ sung hệ thống chiếu sáng công trình Kè thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông. Thẩm định hồ sơ mời thầu, đăng tải thông báo mời thầu, bán hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng hạng mục đường giao thông liên ấp thuộc dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

+ Giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển được 5,33 tỉ đồng, đạt 88,8% kế hoạch được giao. Trong tháng, lắp đặt cho 1.543 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp được cho 82.903 hộ. Tiếp tục lắp đặt, mở rộng các tuyến ống dẫn nước phục vụ sinh hoạt cho người dân gặp khó khăn về nguồn nước ngọt trong tình hình hạn, mặn xâm nhập.

+ Tình hình thiếu nước sinh hoạt: Có khoảng 18.770 hộ dân nông thôn thuộc các xã cánh B huyện Càng Long, một số xã của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh thiếu nước sinh hoạt, trong đó có 9.672 hộ thiếu nước nghiêm trọng. Đến nay đã đầu tư mở rộng 41,9 km tuyến ống cấp nước cung cấp nước sinh hoạt cho 1.286 hộ dân đang gặp khó khăn về nguồn nước sinh hoạt đạt 6,85% tổng số hộ thiếu nước sinh hoạt.

### **3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

*a) Công tác quy hoạch:* Chuẩn bị các thủ tục để thông qua Hội đồng thẩm định 02 dự án quy hoạch (Quy hoạch ngành nông nghiệp và quy hoạch cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh); trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí 02 dự án (lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh và Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030); đang xây dựng Chương trình khuyến nông khuyến ngư trọng điểm phục vụ nông nghiệp nông thôn.

*b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:*

Tham mưu lãnh đạo Sở lập các báo cáo: Kết quả thực hiện Kế hoạch số 928/KH-UBND ngày 09/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh (chuyên đổi 9.000 ha đất trồng lúa); đề xuất nội dung Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XII của Đảng trong lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổng hợp tình hình thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp do thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh; tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản và đề xuất kế hoạch sản xuất nông nghiệp, thủy sản từ nay đến cuối năm 2016; sơ kết công tác quý I và kế hoạch công tác quý II của ngành; kế hoạch sản xuất các vụ lúa còn lại của năm 2016; tình hình thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP và Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg; trả lời kiến nghị cử tri trước kỳ họp 11 – Quốc hội khóa XIII và trả lời kiến nghị của Huyện ủy Châu Thành; kiểm tra báo cáo việc khiếu nại của 03 hộ dân tại ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

Hoàn chỉnh báo cáo định mức kinh tế kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Dự thảo Nghị quyết về lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

**c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:**

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 212 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 148.882 m, khối lượng 434.190 m<sup>3</sup>. Nâng tổng số đến nay thực hiện 374 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 255.152 m, khối lượng 807.276 m<sup>3</sup>, đạt 53% kế hoạch.

- Tiến hành sửa chữa 03 cầu giao thông trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên, tại huyện Châu Thành, kiểm tra tình trạng xuống cấp các cầu trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên để có kế hoạch sửa chữa trong thời gian tới.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay Tổ chức 60 đợt kiểm tra, phát hiện 15 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương có liên quan về Kế hoạch hành động thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn tỉnh.

**d) Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục triển khai thực hiện 20 dự án (03 dự án khởi công mới, 14 dự án chuyển tiếp, 01 đang trong giai đoạn lập dự án, 01 đang chờ phê duyệt dự án, 01 dự án hoàn thành giai đoạn đầu đang xin chủ trương bổ sung hạng mục), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 09 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, đã giải ngân 28,3 tỷ đồng đạt 14% kế hoạch (bổ sung vốn). Đồng thời, đang triển khai lập các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2015-2016.

**e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:**

- Phối hợp với Hội Làm vườn tỉnh và Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Cầu Kè, Càng Long và Châu Thành tổ chức tập huấn 14 lớp tập huấn thành lập

mới HTX và THT, trong đó: 08 lớp thành lập mới Tổ hợp tác và 06 lớp thành lập mới HTX.

- Hỗ trợ Công ty Lương thực Trà Vinh hoàn thành chủ trương thực hiện Phương án cánh đồng lớn 2016 – 2020, Hỗ trợ HTX Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú xây dựng chủ trương thực hiện Phương án cánh đồng lớn cây màu giai đoạn 2016 – 2020. Phối hợp với Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản khảo sát, đánh giá vùng sản xuất rau màu để thực hiện VietGAP trên địa bàn ấp Tha La, Tắc Hố, xã Ngọc Biên (HTX Thành Công đang thực hiện mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới).

**f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:**

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 10 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 17 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả xếp loại có 11 loại A, 06 loại B; cấp 08 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 58 mẫu (15 mẫu nông sản, 43 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 60 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 77 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 48 loại A, 27 loại B, 01 loại C và 01 tạm ngưng hoạt động; cấp 41 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 199 mẫu (83 mẫu nông sản, 116 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 63 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 13 tàu, đăng ký 19 tàu, xóa bộ 01 tàu, cấp 24 sổ danh bạ (100 thuyền viên), cấp 50 giấy phép khai thác thủy sản, 279 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 187 tàu cá (02 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 50 tàu, đăng ký 57 tàu, xóa bộ 05 tàu, cấp 64 sổ danh bạ (314 thuyền viên), cấp 148 giấy phép khai thác thủy sản, 353 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.202 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 90.045 CV (214 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 1.240 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.450 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 85 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 2.448 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.240 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 238 triệu đồng.

- Thanh tra kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 11 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 173 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 55 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 1.316 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp đối với 37 cơ sở kinh doanh thuốc, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản, hộ chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh sản phẩm động vật, 13 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 92 tàu cá; thu, phân tích 46 mẫu; xử lý 11 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp đối với 105 cơ sở kinh doanh thuốc, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản, hộ chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh sản phẩm động vật, 57 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 186 tàu cá; thu, phân tích 89 mẫu; xử lý 22 trường hợp vi phạm.

**g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:**

- Vụ Đông Xuân khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,4 ha, lúa đang giai đoạn chín; khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dứa, hiện đang phát triển tốt (230 cây bưởi xen 40 cây dứa).

- Tổ chức 60 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản, vỗ béo bò, chăn nuôi gà thả vườn, quản lý dịch bệnh trên đàn gia cầm, kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú cho 1.762 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 155 lớp tập huấn kỹ thuật trồng một số loại cây màu, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng các loại thủy sản và quản lý dịch bệnh cho 4.393 lượt người (trồng trọt 3 lớp có 88 lượt người tham dự; chăn nuôi 29 lớp có 863 lượt người dự; thủy sản 123 lớp có 3.442 lượt người dự).

- Kết hợp Đài truyền hình VTC16 thực hiện 01 cuộc phóng sự nuôi vịt biển tại ấp Tư xã Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang. Nâng tổng số đến nay thực hiện 01 bản tin thời sự và 01 cuộc phóng sự.

- Tiếp tục thực hiện 02 mô hình trình diễn: Mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, đến nay đã phối giống được 57 con dê cái; mô hình ứng dụng 3 giảm 3 tăng và kỹ thuật trồng lúa SRI nhằm nâng cao hiệu quả và góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa thực hiện được 60 ha lúa vụ Hè Thu.

**- Công tác giống:**

+ Giống cây trồng: Nhân giống bưởi da xanh 11,5 ha (06 ha từ năm 2015) tại các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, phát triển bình thường. Cung ứng 64,51 tấn lúa giống và 1.243 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản tại xã Đại Phước và xã Phương Thạnh huyện Càng Long, gà đang phát triển tốt ở giai đoạn 20 ngày tuổi.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II với số lượng 300 con; chăm sóc 5,7 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực. Đến nay đã cung ứng, điều tiết cho người nuôi

được 5,12 triệu con post tôm sú, 5,29 triệu con post tôm thẻ chân trắng, 1,76 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 1,05 triệu con cua biển.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Bệnh LMLM trên gia súc phát sinh, bệnh hoại tử gan tụy, đốm trắng xảy ra rải rác,蔓延 xuất hiện đột ngột ảnh hưởng đến nuôi thủy sản cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm - cua nước lợ, cá lóc và tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Thiên tai gây thiệt hại nặng nề lúa Đông Xuân gây khó khăn cho nông dân tái sản xuất đặc biệt là trong vụ Hè thu.

- Tình trạng sản xuất lúa tự phát, không theo quy hoạch, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, lịch thời vụ... vẫn còn xảy ra khá phổ biến.

- Công tác quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế; chưa có biện pháp chế tài khi nông dân không thực hiện theo quy hoạch.

- Sản xuất giống tại địa phương còn qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia thực hiện.

### **2. Nguyên nhân:**

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi từng lúc, từng nơi chưa được quan tâm đúng mức; nắng nóng kéo dài làm giảm sức đề kháng của đàn vật nuôi, trong khi các hộ chăn nuôi chưa chủ động tiêm phòng nên khả năng xuất hiện các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi là rất lớn.

- Chăn nuôi của tỉnh chủ yếu theo hình thức nông hộ còn nhỏ, lẻ, người chăn nuôi chưa có ý thức trong việc tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh cho đàn vật nuôi là nguyên nhân xảy ra dịch bệnh ở một số nơi.

- Một số hộ nuôi thủy sản chưa tuân thủ theo đúng quy trình cải tạo ao nuôi, sử dụng con giống chưa đạt chất lượng, không có ao lắng, lọc để xử lý nước kết hợp với môi trường ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ giữa ngày và đêm chênh lệch lớn là nguyên nhân dẫn đến tôm nuôi chậm lớn và bị bệnh. Bên cạnh đó, ý thức của người dân trong việc quản lý môi trường vùng nuôi còn hạn chế, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết; tình trạng nuôi cá lóc tràn lan không theo quy hoạch đã gây ô nhiễm môi trường nước và thiếu nước ngọt dẫn đến thiệt hại.

- Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu tính bền vững, giá thủy sản thương phẩm còn ở mức thấp làm cho người dân thiếu an tâm đầu tư đúng mức, tình trạng tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá dẫn đến phá vỡ qui hoạch, sản xuất không tuân thủ lịch thời vụ.

- Sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.



- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn nhiều mặt hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

- Việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

### **III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 5**

#### **1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp; thủy sản và phát triển nông thôn**

##### **a) Nông nghiệp:**

###### **- Trồng trọt:**

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân chăm sóc, diện tích lúa hè thu đã xuống giống, không để xảy ra ngộ độc phèn đầu vụ, đồng thời khuyến cáo nông dân rửa phèn, mặn, chuẩn bị đất tiếp tục xuống giống lúa hè thu theo khung lịch thời vụ. Tăng cường cán bộ chuyên môn phụ trách địa bàn, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng nhằm hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là rầy nâu, cháy lá, bạc lá,...

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân, triển khai xuống giống cây màu vụ mùa năm 2016, khuyến khích mở rộng diện tích rau an toàn và các loại cây màu có giá trị kinh tế cao.

- Chăn nuôi: Triển khai tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng đợt 01/2016 theo sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Công văn số 2766/BNN-TY ngày 07/4/2016). Vận động hộ chăn nuôi chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm. Phối hợp với các ngành đoàn thể tỉnh vận động các hộ chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; tăng cường kiểm tra, kiểm soát giết mổ và tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh; ban hành và triển khai hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh; thành lập Tổ công tác giúp Giám đốc Sở hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Lâm nghiệp: Tiếp tục chăm sóc cây giống phục vụ trồng rừng thuộc dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2020; xây dựng mô hình trồng rừng trên diện tích rừng phi lao bị thiệt hại; kiểm tra, nhắc nhở các hộ dân chăm sóc cây giống phục vụ trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2016; tiếp tục xây dựng Phương án trồng rừng thay thế các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân sống khu vực trong rừng, ven rừng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và phòng, chống cháy rừng.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản như tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; kết hợp địa phương hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm chuẩn bị tốt cho niên vụ nuôi năm 2016; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; theo dõi, thống kê tình hình thiệt hại các loại thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ phụ trách địa bàn tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và hạn chế ảnh hưởng do xâm nhập mặn cho hộ nuôi thủy sản.

d) Công tác nông thôn mới: Kiểm tra, rà soát, nắm lại nhu cầu đầu tư của 14 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016; hỗ trợ các xã nông thôn mới giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2016; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ 03 xã Ninh Thới, Tân Bình, Ngọc Biên hoàn thành hồ sơ, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

## **2. Công tác chuyên ngành:**

- Kết hợp địa phương khẩn trương hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2016 theo chỉ đạo của UBND tỉnh nhằm phục vụ công tác chống hạn, mặn; thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các cống đầu mối, theo dõi cao trình nước, chủ động tích nước ngọt; phòng, chống hạn, mặn, xì phèn; chỉ đạo vận hành cống phục vụ an toàn cho sản xuất và dân sinh. Tổng hợp hoàn chỉnh ý kiến đóng góp các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương có liên quan Kế hoạch hành động thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm 2015 và các công trình đầu tư mới năm 2016. Triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2015-2016.

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản cho nông dân; tổ chức 40 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, các biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng lớn, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, nuôi trồng các loại thủy sản; tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện các chuyên mục, phóng sự và bản tin về công tác khuyến nông.

- Kết hợp tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các hộ kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận, hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản. Thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản định kỳ theo quy định. Tiếp tục hỗ trợ xây dựng mô hình trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Trà Cú.

- Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành (Nông nghiệp, Y tế, Công thương) kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản; tập trung chuyên giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước hiện có, mở rộng các tuyến ống của một số trạm cấp nước hiện có, phân đầu lắp đặt thêm 900 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, giải quyết tình hình khó khăn về nước sinh hoạt. Khẩn trương hoàn thành thủ tục triển khai thực hiện các giải pháp cấp nước cho các xã thiếu nước.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố; tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

### 3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. /

#### Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*



## BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/4/2016

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	<b>Tổng DT gieo trồng</b>	Ha	<b>200.858</b>	<b>289.330</b>	<b>6.158</b>	<b>184.873</b>	<b>92,04%</b>	<b>63,90%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	<b>173.329</b>	<b>238.000</b>	<b>2.230</b>	<b>158.962</b>	<b>91,71%</b>	<b>66,79%</b>
	<b>Cây lúa</b>	Ha	<b>171.592</b>	<b>232.000</b>	<b>2.117</b>	<b>158.098</b>	<b>92,14%</b>	<b>68,15%</b>
	<b>Vụ Thu Đông-mùa</b>							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209,38	89.000		87.739,48	98,35%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.209,38	89.000		87.310,15	97,87%	98,10%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,41	54,20		52,9	99,09%	97,65%
	- Sản lượng	tấn	476.506	482.380		462.101	96,98%	95,80%
	<b>Vụ Đông - Xuân</b>							
	- DT gieo sạ	ha	68.887,9	65.000	1.358,5	68.789,00	99,86%	105,83%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	58.651,8	65.000	26.358	47.217,6	80,50%	72,64%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	66,17	67,35	48,91	55,84	84,39%	82,92%
	- Sản lượng	tấn	388.102	437.776	128.920,0	263.684	67,94%	60,23%
	<b>Vụ Hè Thu</b>							
	- Diện tích	Ha	13.495	78.000	758	1.570		2,01%
	- Năng suất	Tạ/ha		53,50				
	- Sản lượng	tấn		417.300				
	<b>Cây màu</b>	Ha	<b>29.266</b>	<b>57.330</b>	<b>4.041</b>	<b>26.774</b>	<b>91,49%</b>	<b>46,70%</b>
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.066,83	6.000	368	2.314,30	75,46%	38,57%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.737,52	6.000	114	864,00	49,73%	14,40%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,18	52,00	55,50	55,24	100,11%	106,24%
	- Sản lượng	Tấn	9.588	31.200	631	4.773	49,78%	15,30%
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>1.229</b>	<b>3.350</b>	<b>198</b>	<b>1.106</b>	<b>90,02%</b>	<b>33,02%</b>
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	668,57	1.550	121	601,69	90,00%	38,82%
	+ Diện tích thu hoạch	"	198,24	1.550	60	163,40	82,43%	10,54%
	+ Năng suất	Tạ/ha	132,50	159,70	111,92	113,04	85,31%	70,78%
	+ Sản lượng	Tấn	2.627	24.754	676	1.847	70,32%	7,46%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	372,06	1.150	73	343,88	92,43%	29,90%
	+ Diện tích thu hoạch	"	75,00	1.150	17	69,00	92,00%	6,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	115,60	151,50	114	114,20	98,79%	75,38%
	+ Sản lượng	Tấn	867	17.423	193	788	90,89%	4,52%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	188,17	650	5	160,64	85,37%	24,71%
	+ Diện tích thu hoạch	"	23,70	650	2	56,10	236,71%	8,63%
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>13.844,53</b>	<b>31.830</b>	<b>1.657</b>	<b>12.856,50</b>	<b>92,86%</b>	<b>40,39%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	13.243,98	31.000	1.490	12.360,90	93,33%	39,87%
	+ Diện tích thu hoạch	"	10.326,18	31.000	699	9.542,56	92,41%	30,78%



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,2	223,94	214,62	221,3	100,03%	98,81%
	+ Sản lượng	Tấn	228.415	694.200	15.002	211.154	92,44%	30,42%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	600,55	830	167	495,60	82,52%	59,71%
	+ Diện tích thu hoạch	"	135,32	830	15	88,00	65,03%	10,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	132,6	16,58	13,4	10,7	8,06%	64,43%
	+ Sản lượng	Tấn	1.794	1.376	20	94	5,24%	6,83%
<b>1.4</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>9.806</b>	<b>13.500</b>	<b>903</b>	<b>8.843</b>	<b>90,18%</b>	<b>65,51%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.638,85	5.000	633	3.626,26	99,65%	72,53%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.797,12	5.000	118	982,80	54,69%	19,66%
	+ Năng suất	Tạ/ha	47,80	53,00	48,41	47,70	99,79%	90,00%
	+ Sản lượng	Tấn	8.590	26.500	572	4.688	54,57%	17,69%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.971,45	6.100	85	4.048,13	81,43%	66,36%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.326,00	6.100	145	2.581,60	77,62%	42,32%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.083,90	1.100	1.096	1.096	101,08%	99,60%
	+ Sản lượng	Tấn	360.505	671.000	15.904	282.843	78,46%	42,15%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.195,40	2.400	185	1.168,80	97,77%	48,70%
	+ Diện tích thu hoạch	"	481,23	2.400	27	106,70	22,17%	4,45%
	+ Năng suất	Tạ/ha	98,65	103,40	95,92	94,5	95,76%	91,36%
	+ Sản lượng	Tấn	4.747	24.816	263	1.008	21,23%	4,06%
<b>1.5</b>	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.320,22	2.650	916,0	1.654,25	125,30%	62,42%
	+ Diện tích thu hoạch	"	404,70	2.650	226,0	412,00	101,80%	15,55%
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>							
<b>3</b>	<b>Cây ăn quả</b>							
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>B</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1.</b>	<b>Lâm sinh</b>							
<b>1.1.</b>	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
<b>1.2.</b>	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
<b>1.3.</b>	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
<b>1.4.</b>	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
<b>1.5.</b>	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
<b>2.</b>	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
<b>C</b>	<b>DIỆM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1.</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>27.607</b>	<b>42.700</b>	<b>3.917,54</b>	<b>29.035</b>	<b>105,18%</b>	<b>68,00%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>288</b>	<b>4.000</b>	<b>520,97</b>	<b>809,77</b>	<b>280,96%</b>	<b>20,24%</b>



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi cá	"	286,62	2.500	97,17	326,77	114,01%	13,07%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	0,40	50	0,15	0,25	62,50%	0,50%
	+ Cá lóc	"	85,41	290	56,82	112,32	131,51%	38,73%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1,60	1.500	423,80	483,00	30187,50%	32,20%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1,60	1.500	423,80	483,00	30187,50%	32,20%
	- Diện tích nuôi khác	"			-			
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>27.318,5</b>	<b>38.700</b>	<b>3.396,57</b>	<b>28.225,71</b>	<b>103,32%</b>	<b>72,93%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	27.296,5	37.000	3.396,57	28.225,71	103,40%	76,29%
	Trong đó: + Tôm sú	"	15.750,4	19.000	1.237,89	14.490,4	92,00%	76,27%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.739,4	5.000	505,18	1.807,6	103,92%	36,15%
	+ Cua biển	"	9.806,6	13.000	1.653,50	11.927,7	121,63%	91,75%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	22	1.700	-		0,00%	0,00%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>40.716,0</b>	<b>181.000</b>	<b>10.295,46</b>	<b>37.689,5</b>	<b>92,57%</b>	<b>20,82%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>16.743,8</b>	<b>101.200</b>	<b>4.931,45</b>	<b>16.774,8</b>	<b>100,19%</b>	<b>16,58%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>12.375,7</b>	<b>55.500</b>	<b>3.407,15</b>	<b>13.263,9</b>	<b>107,18%</b>	<b>23,90%</b>
	- Sản lượng cá	"	12.159,24	55.000	3.337,95	13.059,90	107,41%	23,75%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	651	10.000	623,00	1.454	223,35%	14,54%
	Cá lóc	"	8.210	27.000	1.773,10	7.617	92,77%	28,21%
	- Sản lượng giáp xác	"	216,5	500	69,20	204,0	94,23%	40,80%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	216,5	500	69,20	204,0	94,23%	40,80%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>4.368,0</b>	<b>45.700</b>	<b>1.524,30</b>	<b>3.510,9</b>	<b>80,38%</b>	<b>7,68%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	4.305,4	43.500	1.504,30	3.436,11	79,81%	7,90%
	Trong đó: + Tôm sú	"	1.136,0	14.500	445,29	791,9	69,71%	5,46%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.178,8	21.000	904,06	2.005,6	92,05%	9,55%
	+ Nuôi cua biển	"	990,7	8.000	154,95	638,7	64,47%	7,98%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	62,6	2.200	20,00	74,75	119,41%	3,40%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>23.972,18</b>	<b>79.800</b>	<b>5.364,01</b>	<b>20.914,77</b>	<b>87,25%</b>	<b>26,21%</b>
<b>4.2.1.</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>20.603,51</b>	<b>65.900</b>	<b>4.774,42</b>	<b>17.730,77</b>	<b>86,06%</b>	<b>26,91%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	9.725,9	25.000	1.916,52	7.082,5	72,82%	28,33%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	2.561,2	8.900	591,57	2.540,5	99,19%	28,55%
	Trong đó: - Tôm...	"						



STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ 2015	KH vụ/năm 2016	TH tháng 4	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...	"						
	+ SL nhiên thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	8.316,4	32.000	2.266,33	8.107,7	97,49%	25,34%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>3.368,7</b>	<b>13.900</b>	<b>589,59</b>	<b>3.184,0</b>	<b>94,52%</b>	<b>22,91%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.440,0	6.500	256,37	1.424,6	98,93%	21,92%
	- Tôm các loại	"	1.335,4	4.200	214,43	1.233,7	92,39%	29,37%
	- Nhiên thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	593,3	3.200	118,79	525,7	88,61%	16,43%